

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116,  
117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 552/2026/TLST-  
HNGĐ ngày 16/4/2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa  
thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Phạm Văn K, sinh năm 1979;

Căn cước công dân số 033079012xxx, cấp ngày 03/10/2021

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ X, ấp V, xã T, tỉnh Đồng Nai. Số  
điện thoại: 0387.234.xxx.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1982;

Căn cước công dân số 040182033xxx, cấp ngày 09/8/2021

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ X, ấp V, xã T, tỉnh Đồng Nai. Số  
điện thoại: 0337.055.xxx.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Đ đoàn  
tụ nhưng ông K và bà Đ không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa  
thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Đ tự nguyện  
chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh  
Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Nai) và được cấp giấy  
chứng nhận kết hôn số x, quyển số y/2028, ngày x/y/2008. Căn cứ các Điều 11,  
12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp  
pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, ông K và bà Đ không đoàn tụ để về chung sống  
với nhau mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự

nguyện của ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Đ có 02 con chung tên là Phạm Lê Gia H, sinh ngày 20/10/2008 và Phạm Lê Gia K, sinh ngày 27/11/2013. Ông K và bà Đ đã thỏa thuận, thống nhất giao cả hai cháu Phạm Lê Gia H và Phạm Lê Gia K cho bà Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, cả 02 con chung mỗi tháng số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông K và bà Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông K và bà Đ phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K và bà Lê Thị Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Gia H, sinh ngày 20/10/2008 và Phạm Lê Gia K, sinh ngày 27/11/2013 cho bà Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

mỗi con chung mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, cả 02 con chung mỗi tháng số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Phạm Văn K và bà Lê Thị Đ mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu số 0008772 ngày 16/4/2026 và Biên lai thu số 0008771 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông K và bà Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Nai  
(Giấy chứng nhận kết hôn số x,  
quyển số y/2008, ngày x/y/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Quang Tuyền**